

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH FTF VN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH FTF VN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FTF VN FINANCIAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108520903

3. Ngày thành lập: 20/11/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 38A, ngõ 599 đường Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0972881227

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển	5011
2.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
3.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
4.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
5.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
6.	Chăn nuôi khác Chi tiết: Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh (trừ cá cảnh): chó, mèo, thỏ, bò sát, côn trùng. Nuôi ong và sản xuất mật ong; nuôi tằm, sản xuất kén tằm	0149
7.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
8.	Xây dựng nhà để ở	4101
9.	Xây dựng nhà không để ở	4102
10.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
11.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
12.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
13.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
14.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
15.	Phá dỡ	4311
16.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
17.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322

18.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
19.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
20.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
21.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
22.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (trừ nổ cát)	4390
23.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
24.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
25.	Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng	8692
26.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động phiên dịch; Tư vấn về môi trường; Tư vấn về công nghệ khác	7490
27.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...	4663
28.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu gồm: bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường	4659
29.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
30.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
31.	Giáo dục nhà trẻ	8511
32.	Đào tạo trung cấp	8532
33.	Đào tạo cao đẳng	8533
34.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
35.	Giáo dục trung học phổ thông	8523

36.	Đào tạo đại học	8541
37.	Đào tạo thạc sỹ	8542
38.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
39.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản (trừ tư vấn mang tính pháp lý)	6820
40.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
41.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
42.	Khai thác quặng sắt (trừ quặng uranium và quặng thorium)	0710
43.	Xây dựng công trình điện	4221
44.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
45.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
46.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619(Chính)
47.	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ	6492
48.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).	8230
49.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
50.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đầu tư khu du lịch sinh thái (trừ kinh doanh trò chơi có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi có thưởng qua mạng)	9329
51.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa	4610
52.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
53.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
54.	Xây dựng công trình thủy	4291
55.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
56.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính	8559
57.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế	8610

58.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
59.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
60.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
61.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động của các nhân viên trợ giúp nha khoa như các nhà trị liệu răng miệng, y tá nha khoa trường học và vệ sinh viên răng miệng,...người có thể làm việc xa, nhưng vẫn dưới sự kiểm soát định kỳ của nha sỹ; Hoạt động của các phòng thí nghiệm y học	8699
62.	Giáo dục mẫu giáo	8512
63.	Đào tạo sơ cấp	8531
64.	Giáo dục tiểu học	8521
65.	Đào tạo tiến sỹ	8543
66.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990

6. Vốn điều lệ: 4.500.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ QUANG VINH	P218-D2 , Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	9.000.000	900.000.000.000	20,000	011962917	
			Tổng số	9.000.000	900.000.000.000	20,000		
2	VÕ VĂN CẨM EM	Khu phố 3, Thị trấn Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	9.000.000	900.000.000.000	20,000	022369039	
			Tổng số	9.000.000	900.000.000.000	20,000		
3	NGUYỄN VĂN MỤC	Áp Phú Hiệp , Xã An Bình, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	9.000.000	900.000.000.000	20,000	350767811	
			Tổng số	9.000.000	900.000.000.000	20,000		

4	NGUYỄN MINH HIỆP	Bình Hòa 2, Phường Tân Phước Khánh, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	18.000. 000	1.800.000.000.0 00	40,000	C4162281	
			Tổng số	18.000. 000	1.800.000.000.0 00	40,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN MỰC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/01/1967

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 350767811

Ngày cấp: 12/06/2012 Nơi cấp: CA An Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Phú Hiệp, Xã An Bình, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Ấp Phú Hiệp, Xã An Bình, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội